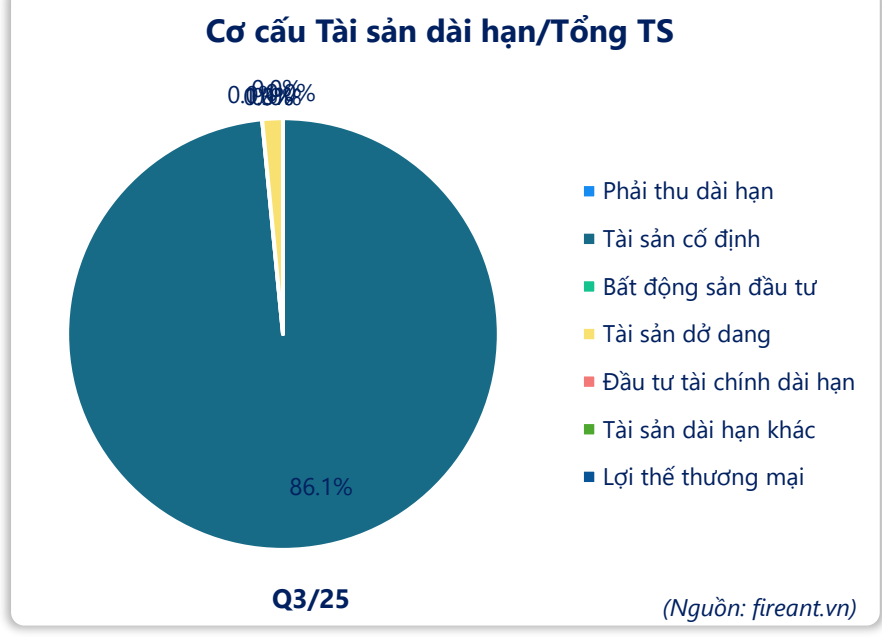
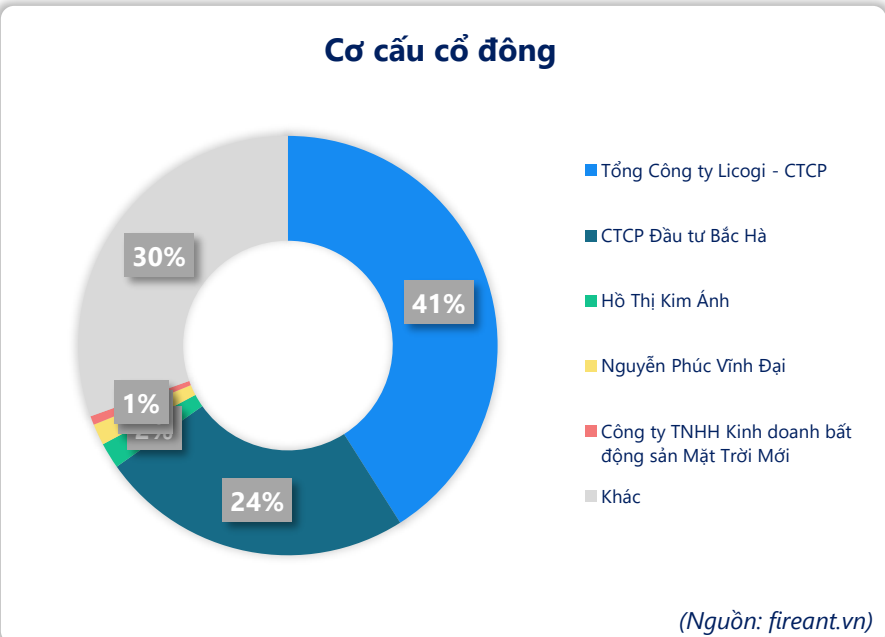
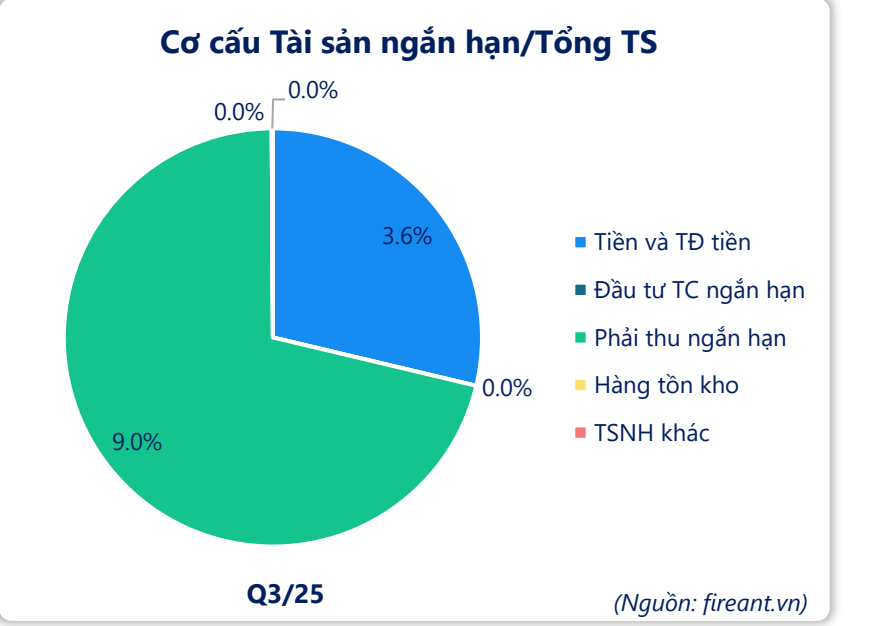
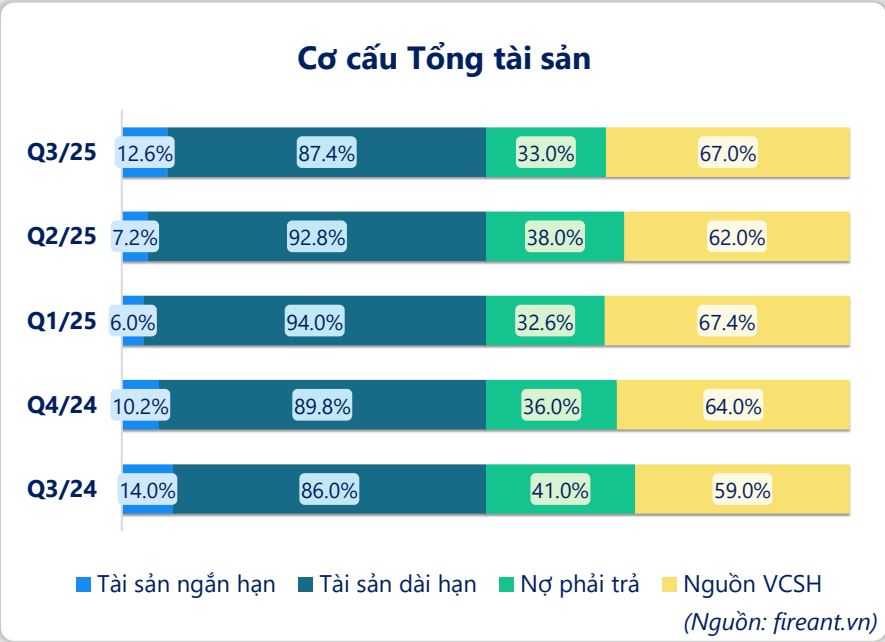
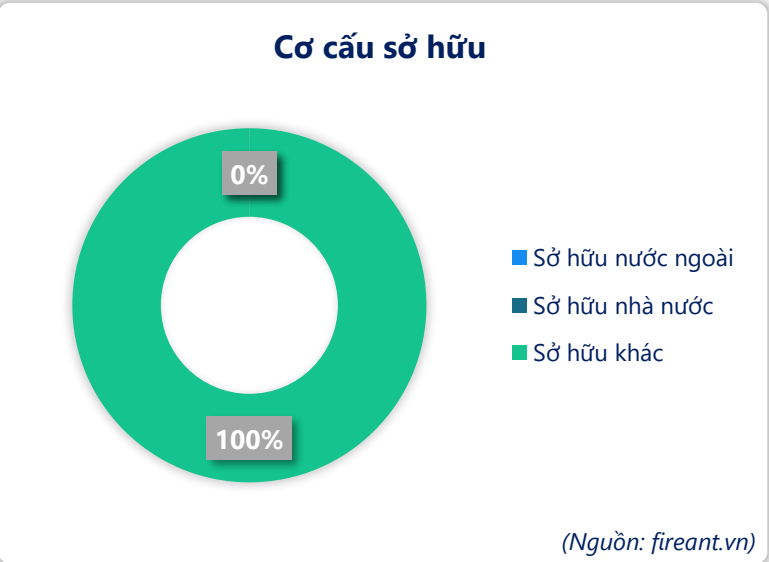
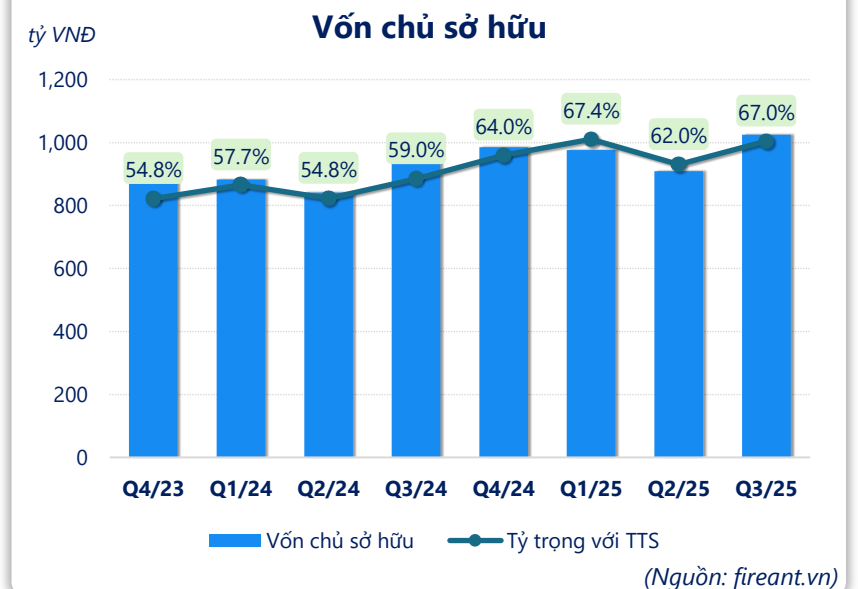
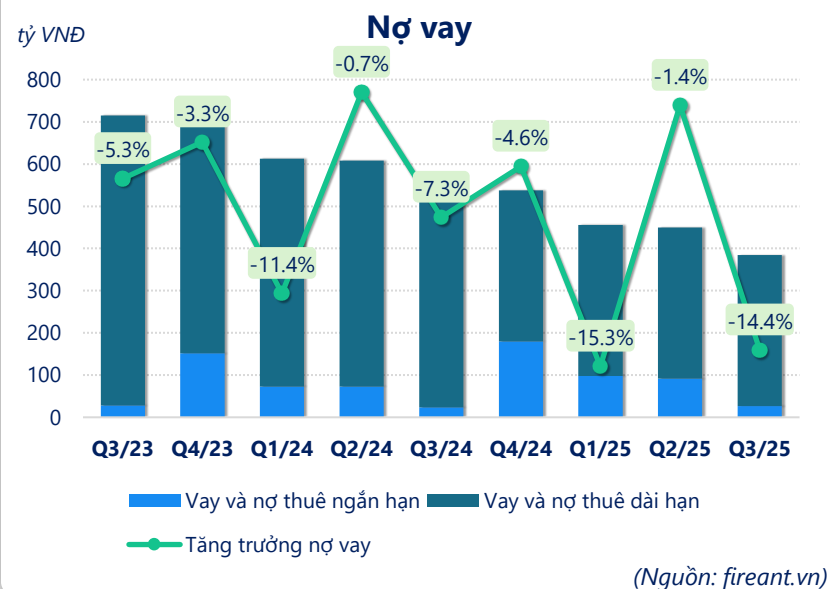
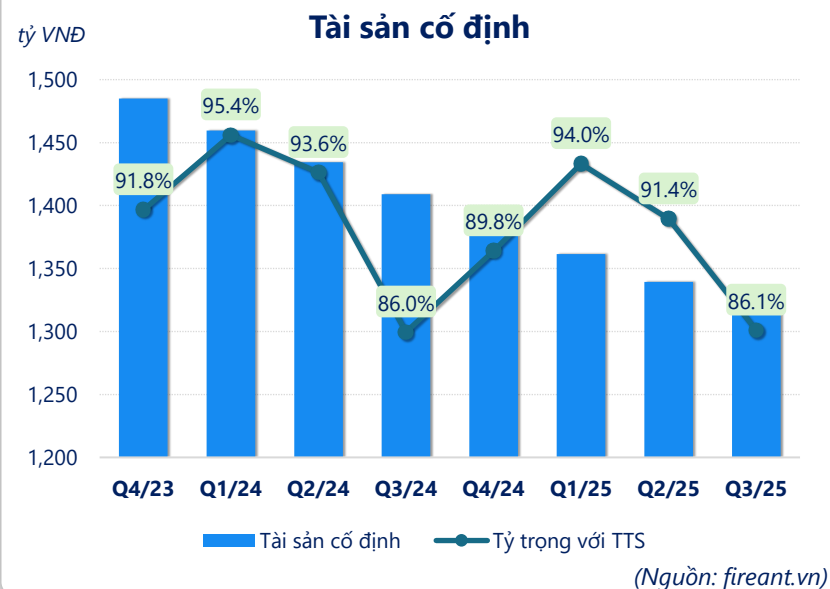
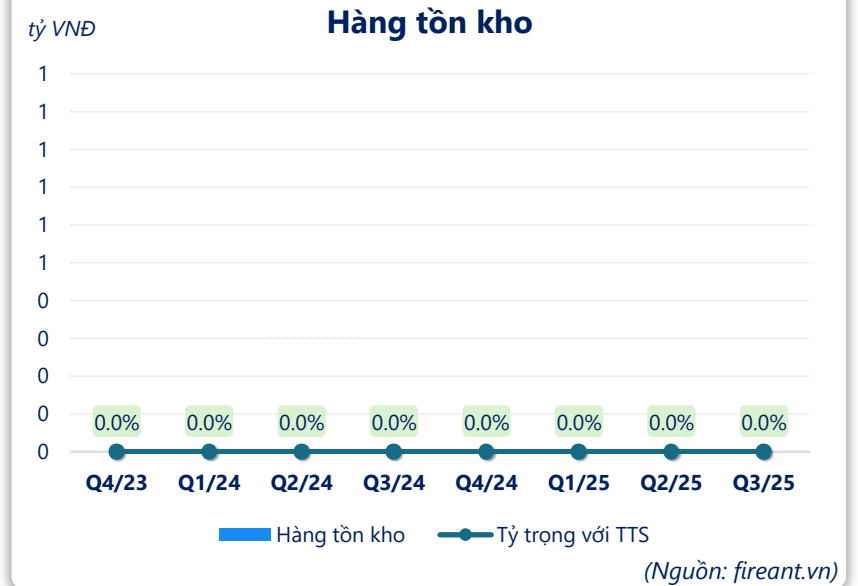
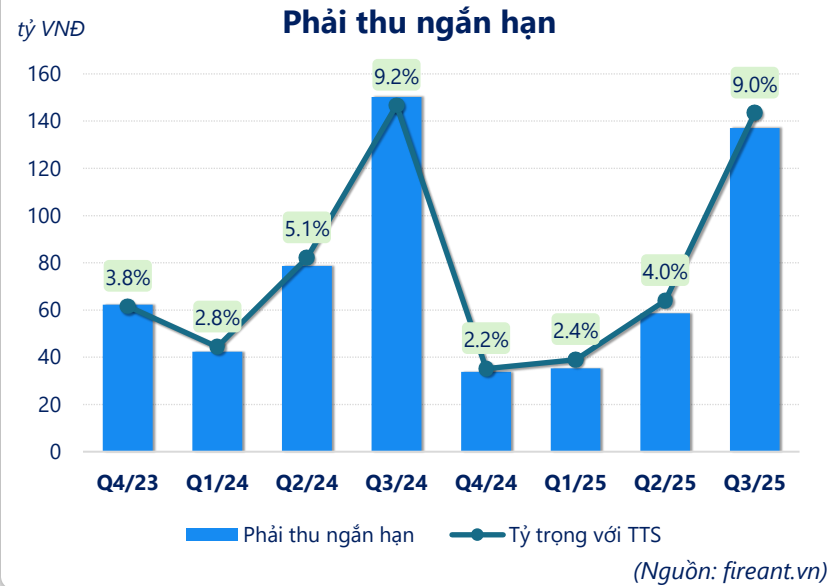
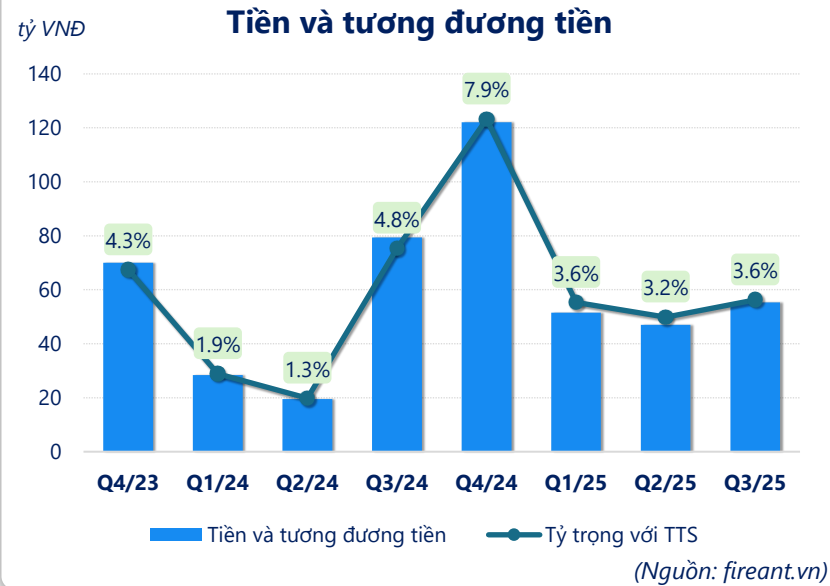
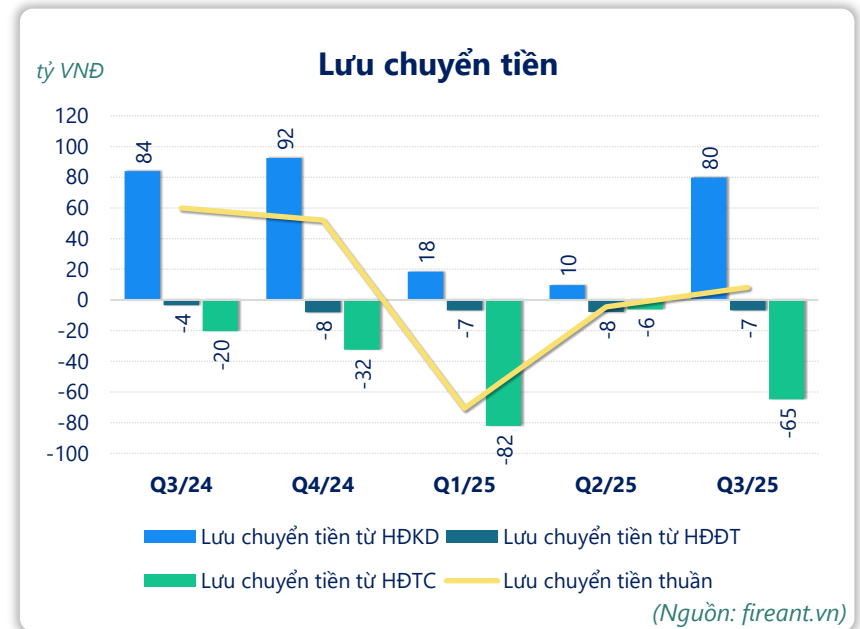
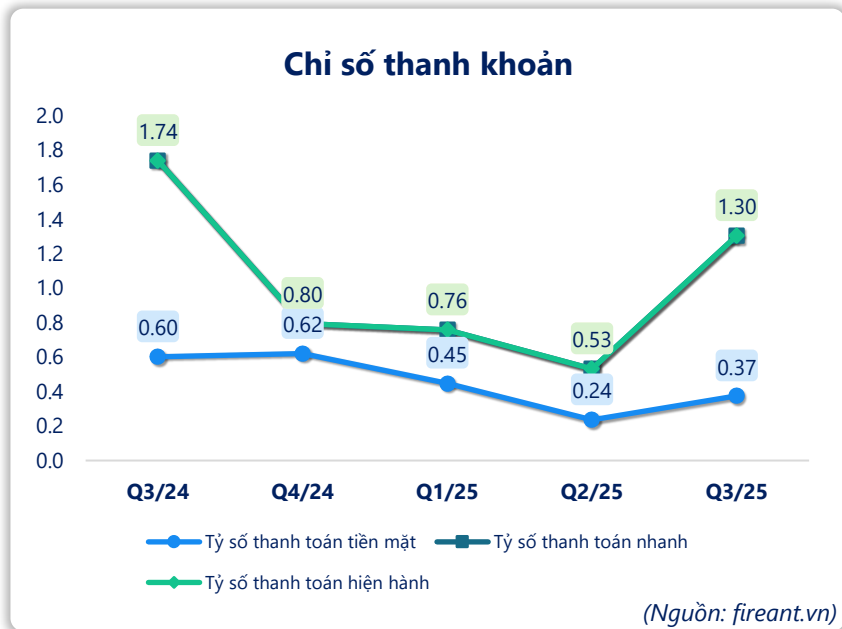
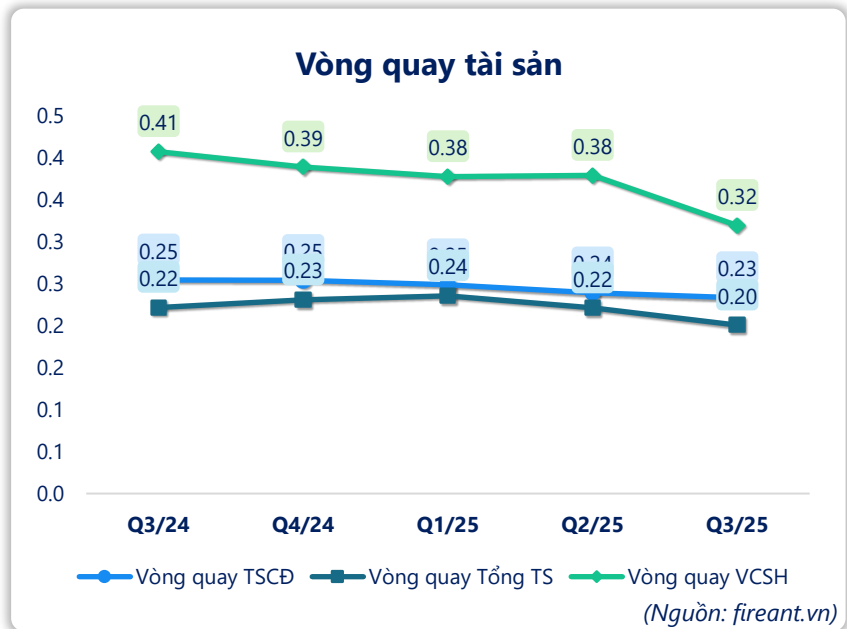
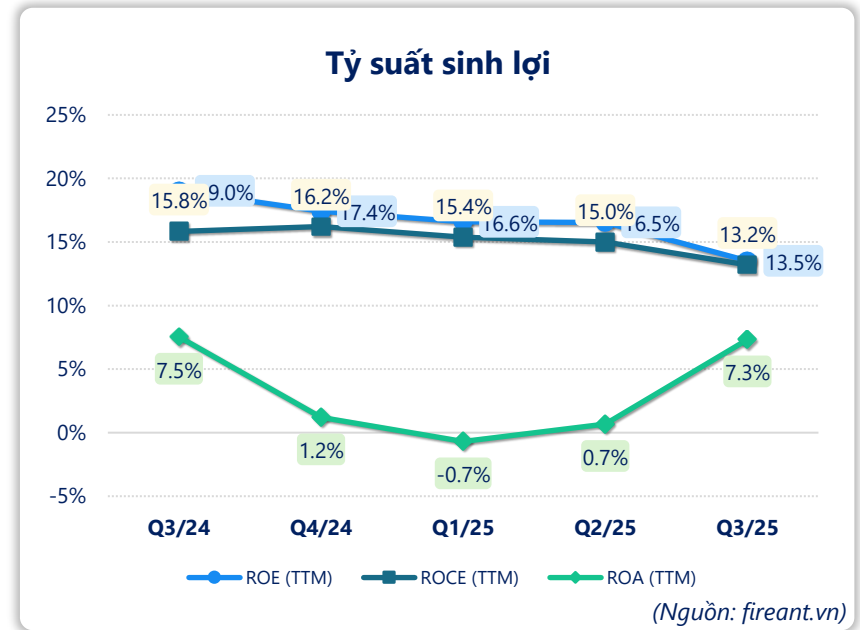
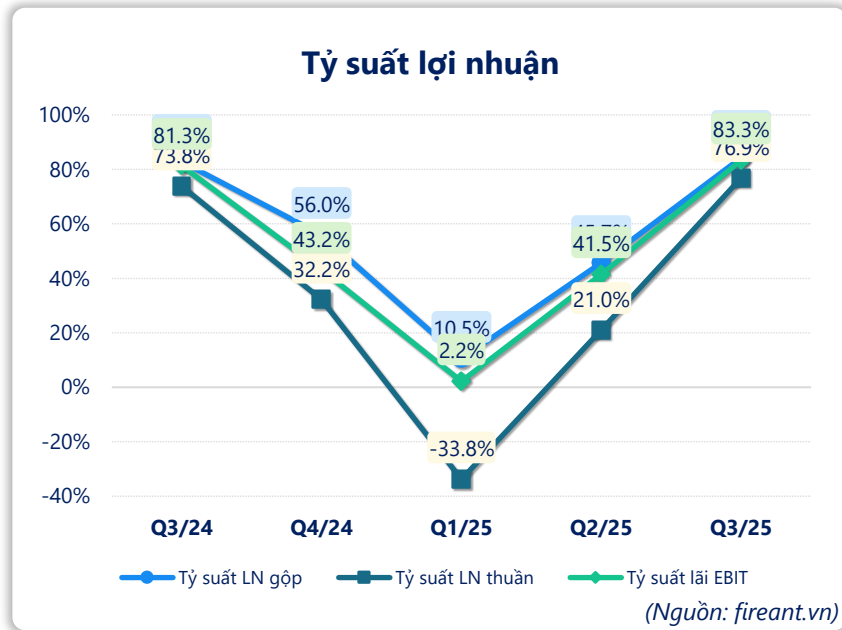
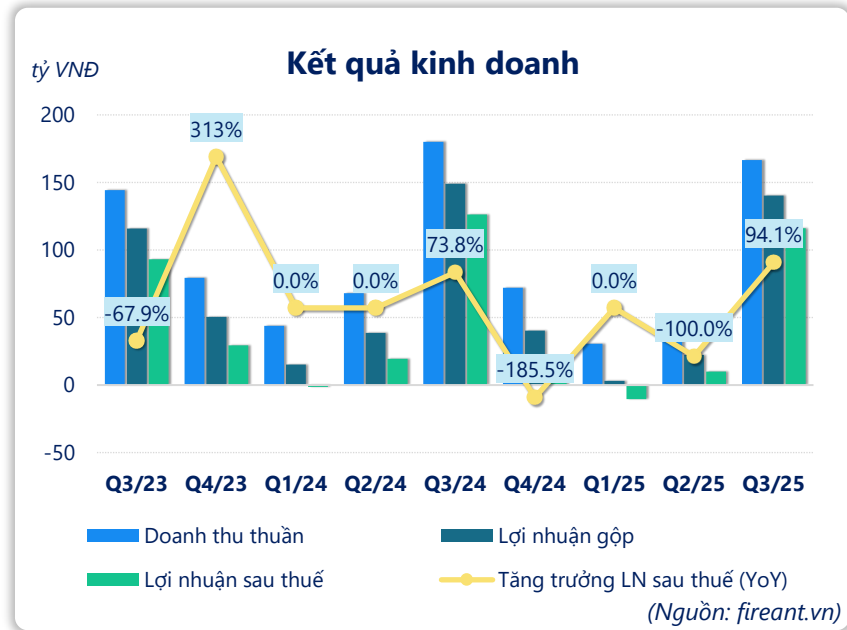


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		24,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		26,991
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		18,151
SL cổ phiếu LH		66,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,305
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,630
P/E		12.1
EPS		2,040

	YTD	1T	3T	6T
BHA	14.4%	-1.3%	0.3%	2.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,530	1,540	-0.6%
Tài sản ngắn hạn	193	156	23.1%
Tiền và tương đương tiền	55.3	122	-54.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	137	33.9	305%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.18	0.55	-66.9%
Tài sản dài hạn	1,338	1,384	-3.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,317	1,384	-4.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	20.6	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.02	0.02	-25.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	505	554	-8.7%
Nợ ngắn hạn	148	196	-24.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.8	180	-85.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.73	1.33	407%
Nợ dài hạn	358	358	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	358	358	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,025	986	3.9%
Vốn chủ sở hữu	1,025	986	3.9%
Vốn điều lệ	660	660	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	180	72.1	30.6	48.8	167
Giá vốn hàng bán	30.9	31.7	27.4	26.5	26.2
Lợi nhuận gộp	149	40.3	3.21	22.3	140
Doanh thu HĐTC	0.17	0.40	0.62	0.29	0.27
Chi phí TC	13.6	13.4	11.0	10.2	9.72
Chi phí lãi vay	13.6	13.4	11.0	10.2	9.72
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	3.14	-3.14	0
Chi phí QLDN	2.86	4.14	0	5.26	2.87
LN thuần từ HĐKD	133	23.2	-10.3	10.3	128
Lợi nhuận khác	0	-5.48	-0.01	-0.19	0.96
LN trước thuế	133	17.7	-10.3	10.1	129
Lợi nhuận sau thuế	126	18.8	-10.3	10.1	116
LNST của CĐ cty mẹ	126	18.8	-10.3	10.1	116

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	83.8	92.5	18.3	9.64	79.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.55	-8.11	-6.74	-7.85	-6.70
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.4	-32.4	-82.2	-6.26	-64.7
Tiền đầu kỳ	19.5	70.0	122	51.5	47.0
Lưu chuyển tiền thuần	59.9	52.0	-70.6	-4.47	8.31
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	79.4	122	51.5	47.0	55.3

(Nguồn: fireant.vn)